

Bản án số: 476/2021/HS-ST

Ngày: 23/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Lê Sỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 358/2021/TLST-HSST ngày 18 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2021, Thông báo số 962/TB-TA ngày 19/7/2021, Thông báo số 977/TB-TA ngày 09/8/2021 về việc dời ngày xét xử và Thông báo số 1111/TB-TA ngày 28/10/2021 về thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự, đối với các bị cáo:

1. **Họ và tên: Đỗ Chí T.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh năm 2000 tại tỉnh Cà Mau.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã Ph, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú hiện nay: Ấp L, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: Lớp 02/12. Con ông Đỗ Tấn Ng, sinh năm 1968 và bà Trần Tuyết M, sinh năm 1969. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 28/4/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 05/4/2021; đến ngày 14/4/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị can đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Minh H.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh năm 1983 tại tỉnh Cà Mau.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã Ph, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú hiện nay: ấp L, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: Lớp 03/12. Con ông Phạm Văn Ng, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Ph1, sinh năm 1970. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Cao Thị Đèo, sinh năm 1980; bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/4/2021 theo lệnh bắt bị can để tạm giam số 409 ngày 12/3/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Đến ngày 26/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa ra quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cho gia đình bảo lãnh. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Bùi Kim Ph, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Tổ 39, khu phố A, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Xuân L, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Tổ 23, khu phố B, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 ngày 13/6/2020, anh Bùi Đức L1, sinh năm 1981, trú tại xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận chạy xe ba gác chở hàng hóa đi qua quán tạp hóa của bà Phạm Thị Ph1, sinh năm 1970, tại tổ 39, khu phố A, phường T, thành phố Biên Hòa. Do xe của anh L1 mắc vào miếng bạt che trước cửa tiệm của bà Ph1, nên giữa bà Ph1 và anh L1 xảy ra mâu thuẫn cự cãi. Thấy vậy, Phạm Minh H (con trai bà Ph1) đi ra đe dọa đánh anh L1, nhưng được mọi người can ngăn nên H và anh L1 bỏ đi.

Đến tối ngày 18/6/2020, trong lúc ngồi ăn uống, anh L1 kể lại sự việc mâu thuẫn với bà Ph1 và H cho Bùi Kim Ph, sinh năm 1996, trú tại khu phố A, phường T, thành phố Biên Hòa (em trai L1) nghe. Biết được sự việc mâu thuẫn trên, Ph rủ Vũ Xuân L, sinh năm 1997, trú tại tổ 23, khu phố 4, phường Tân Hòa và Vũ Jơ

Long For Ya Tr, sinh năm 2001, ngụ tại 79/6, khu phố 4, phường T (là bạn của Ph) đến tiệm tạp hóa của bà Ph1 để giải quyết mâu thuẫn.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Ph, L, Tr đến khu nhà trọ nơi bà Ph1 mở tiệm tạp hóa tìm bà Ph1 nói chuyện. Ph hỏi bà Ph1 về sự việc ai đã đuổi đánh anh L1, nhưng bà Ph1 nói không biết.

Cùng lúc này, biết được sự việc nhóm Ph đến tìm bà Ph1, H cầm 01 con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 01m đi tới khu vực cổng nhà trọ nơi nhóm Ph đang đứng thì được mọi người can ngăn nên H mang dao vào phòng trọ của bà Ph1 cất rồi quay lại nói chuyện với Ph. Lúc này, Đỗ Chí T (là cháu của H) đi tới nói chuyện với L thì xảy ra mâu thuẫn cự cãi. L dùng tay tóm vào cổ và xô đẩy T, T bỏ đi. L đi vào phía trong tiệm tạp hóa của bà Ph1 (bên trong dãy nhà trọ, cách cổng nhà trọ khoảng 10m) lấy 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm đi ra thì bị H can ngăn giằng lại và giữ con dao. Do bức tức vì bị L gây sự, T đi về phòng trọ của T ở gần đó lấy 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi sắt dài khoảng 01m quay lại tìm nhóm Ph thì được mọi người can ngăn giữ T phía ngoài cổng khu nhà trọ. Thấy T cầm dao đến, L quay lại tiệm tạp hóa tìm kiếm hung khí để đánh nhau, Ph, H, T đứng ở khu vực cổng. Khi L vừa vào tiệm tạp hóa thì bị Phạm Duy Kh (em trai H) cầm 01 con dao tự chế dài khoảng 01m từ phía trong phòng trọ của bà Ph1 chạy ra chém nhiều nhất vào người trúng vào áo khoác và vùng mặt bên trái của L làm L té ngã xuống đường (H, T không biết sự việc Khánh chém L).

Cùng thời điểm xảy ra sự việc Khánh chém L trước tiệm tạp hóa, tại khu vực cổng dãy nhà trọ, Ph nhặt 02 viên gạch men (dùng để lát nền) kích thước khoảng 40x40cm cầm trên 02 tay đi về phía T đang đứng bên ngoài cổng thì bị H dùng tay ôm giữ Ph từ phía sau và đánh Ph bằng tay. Ph ném 01 viên gạch về phía T nhưng không trúng. Lúc này, T cầm dao lao đến chém Ph thì Ph tiếp tục ném viên gạch còn lại về phía T. Thấy vậy, H lấy từ trong người ra 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm giơ lên thì Ph bỏ chạy về phía sau khu nhà trọ, H, T cầm dao đuổi theo Ph. Khi Ph chạy ngang qua chỗ Kh đang chém L ở phía trước tiệm tạp hóa, thấy Ph nên Khánh dừng lại và đuổi theo Ph. Khi Kh, H, T đuổi theo Ph chạy ra khu vực suối phía sau dãy nhà trọ thì H đuổi kịp ôm vật Ph té ngã, T, Kh dùng dao chém nhiều nhất vào vùng má trái, tay phải, chân phải của Ph thì được mọi người can ngăn nên H, Kh, T dừng lại và bỏ đi. Ph và L được Trường đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Thống Nhất.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Minh H, Đỗ Chí T đã thừa nhận hành vi phạm tội trên. Riêng Phạm Duy Kh bỏ trốn.

* Vật chứng vụ án: 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi sắt dài khoảng 01m của Đỗ Chí T; 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm của Phạm Minh H sử dụng đánh anh Bùi Kim Ph, T và H khai đã ném dao trên đường (không nhớ vị trí cụ thể), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0586/TgT/2020 ngày 14/7/2020 của Giám định viên Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Đồng Nai đã kết luận thương tích của anh Bùi Kim Ph như sau:

- “- Tồn thương mẻ xương tháp cổ tay phải. Tỷ lệ 01%.
- Tồn thương mẻ xương đốt gần ngón 4 bàn tay phải. Tỷ lệ 01%.
- Tồn thương đứt gân duỗi cổ tay trụ bên phải đã phẫu thuật khâu nối hiện để lại hạn chế vận động cổ tay mức độ ít. Tỷ lệ 05%.
- Sẹo má trái kích thước 05x0,5cm. Tỷ lệ 06%.
- Sẹo mặt sau cổ tay phải kích thước 3,5x0,7cm. Tỷ lệ 02%.
- Sẹo cẳng chân phải kích thước 08x0,4cm. Tỷ lệ 02%.
- Sẹo cẳng chân phải hình chữ “Z” kích thước 15x0,3cm. Tỷ lệ 02%.
- Sẹo mổ dọc mặt sau cẳng tay phải kích thước 03x0,2cm. Tỷ lệ 01%.
- Sẹo mặt mu đốt I ngón 3 tay phải, kích thước 01x0,2cm. Tỷ lệ 01%.
- Sẹo mặt mu đốt I ngón 4 tay phải, kích thước 2,5x0,3cm. Tỷ lệ 01%.
- Sẹo mặt mu đốt I ngón 5 tay phải, kích thước 1,5x0,2cm. Tỷ lệ 01%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Bùi Kim Ph áp dụng theo phương pháp cộng lùi là: **21%** (Hai mươi một phần trăm).

Vật gây thương tích: Vật sắc”.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0585/TgT/2020 ngày 20/7/2020 của Giám định viên Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Đồng Nai đã kết luận thương tích của anh Vũ Xuân L như sau:

- Tồn thương gãy thành xoang hàm trái không di lệch. Tỷ lệ: 09%.
- Tồn thương nứt thành ngoài hốc mắt trái không ảnh hưởng thị L1. Tỷ lệ 05%.
- Tồn thương dây thần kinh mặt bên trái chủ yếu nhánh thái dương và gò má bên trái. Tỷ lệ 07%.
- Sẹo từ thái dương trái xuống góc ngoài mắt trái đến má trái kích thước 09 x 0,3cm. Tỷ lệ 06%.
- Tồn thương máu tụ ngoài màng cứng mãn tính vùng cực thái dương trái. Tỷ lệ 16%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Vũ Xuân L, áp dụng theo phương pháp cộng lùi tại thông tư là: **37%** (Ba mươi bảy phần trăm).

* Trách nhiệm dân sự:

Bị hại Bùi Kim Ph yêu cầu bồi thường chi phí điều trị và tổn thất tinh thần 39.589.000đ (Ba mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng). H, T đã bồi thường cho anh Ph số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Quá trình chuẩn bị xét xử, H tiếp tục bồi thường cho anh Ph số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), anh Ph đã làm đơn bãi nại cho H. Tại phiên tòa, anh Ph yêu cầu bị cáo

T phải tiếp tục bồi thường cho anh số tiền còn lại 6.589.000đ (Sáu triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng), hiện T chưa bồi thường số tiền này cho anh Ph.

Anh Vũ Xuân L yêu cầu bồi thường số tiền 61.618.000đ (Sáu mươi một triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng). H, T đã tự nguyện hỗ trợ cho anh L số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Tại cáo trạng số 377/CT-VKSBH ngày 11 tháng 6 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Phạm Minh H, Đỗ Chí T, về tội “Cố ý gây thương tích”, với tình tiết định khung hình phạt “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo điều, khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Chí T “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho bị hại; riêng bị cáo T đầu thú; bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, H đã bồi thường cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại cho H. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm a khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Đỗ Chí T với mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; bị cáo Phạm Minh H với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho bị cáo H được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Minh H khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng và bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng

của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Về việc xét xử vắng mặt bị cáo T: Bị cáo Đỗ Chí T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt tại phiên toà. Xét thấy, việc vắng mặt của bị cáo T là hoàn toàn tự nguyện và sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với bị cáo Đỗ Chí T.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ việc mâu thuẫn cãi nhau giữa bà Phạm Thị Ph1 và Phạm Minh H (con trai bà Ph1) với anh Bùi Đức L1 xảy ra vào ngày 13/6/2020 do anh L1 chạy xe ba gác chở hàng đi qua mắc vào miếng bạt che trước cửa tiệm tạp hoá của bà Ph1. Tối ngày 18/6/2020, trong lúc ngồi ăn uống, anh L1 kể lại sự việc mâu thuẫn cho em ruột là Bùi Kim Ph, nghe. Biết được sự việc mâu thuẫn trên, Ph rủ Vũ Xuân L và Vũ Jơ L For Ya Tr (là bạn của Ph) đến tiệm tạp hóa của bà Ph1 tại dãy nhà trọ thuộc tổ 39, khu phố 4A, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, để giải quyết mâu thuẫn.

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 18/6/2020, Ph, L, Tr đến gặp bà Ph1 để nói chuyện thì xảy ra mâu thuẫn cãi vã và dẫn đến xô xát với Phạm Duy Kh, Phạm Minh H (là 02 con trai của bà Ph1) và Đỗ Chí T (là cháu của H). Phạm Duy Kh đã có hành vi dùng dao tự chế dài khoảng 01m chém nhiều nhát gây thương tích cho anh Vũ Xuân L, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 37%. Kh tiếp tục dùng dao tự chế nêu trên cùng với Đỗ Chí T dùng dao tự chế dài khoảng 01m, chém nhiều nhát gây thương tích cho anh Bùi Kim Ph, H có hành vi dùng tay ôm vật và đánh anh Ph; Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0586/TgT/2020 ngày 14/7/2020 của Giám định viên Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Đồng Nai đã kết luận với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21%.

Đối với Phạm Duy Kh đã có hành vi gây thương tích cho anh Vũ Xuân L, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 37%. Hiện nay Kh đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định truy nã đối với Kh (theo Quyết định số 38/CSĐT-HS ngày 06/5/2021), khi nào bắt được Kh tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra đã làm rõ H và T không bàn bạc, rủ rê trong việc đánh anh L. Sự việc đánh nhau xảy ra khi nhóm của anh L, anh Ph đến gây sự và chỉ một mình Kh gây thương tích cho anh L; Lời khai của anh L trong quá trình điều tra và tại phiên toà, anh L cũng thừa nhận thương tích của anh là do một mình Kh gây ra, nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T và H về thương tích của anh L.

[3] Về tội danh và khung hình phạt:

Xét thấy, hành vi của bị cáo Đỗ Chí T, Phạm Minh H, đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự. Dao tự chế mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội được xác định là “*hung khí nguy hiểm*” (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự), đã gây thương tích cho anh Bùi Kim Ph với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21%. Nên các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng L1 chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò đồng phạm:

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, bản thân các bị cáo cũng nhận thức rõ hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét đồng phạm trong vụ án mang tính giản đơn, cấu thành không có tổ chức; bị cáo T là người trực tiếp dùng dao chém và gây thương tích đối với anh Ph, nên phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án; bị cáo H tham gia vai trò đồng phạm giúp sức, là người đã ôm vật anh Ph té ngã, để T và Khánh dùng dao chém anh Ph gây thương tích, nên cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng.

Nguyên nhân dẫn đến việc xô xát và dẫn đến thương tích nêu trên, phía bên bị hại cùng với nhóm bạn của bị hại cũng có một phần lỗi. Do vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét tính chất, mức độ tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, để có mức hình phạt tương xứng và đủ sức răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đỗ Chí T có 01 tiền án (theo Bản án số 70/2020/HSST ngày 28/4/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 25.000.000đ về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, bị cáo chưa thi hành xong bản án), chưa được xóa án tích. Nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm*”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Minh H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về tinh thần, chi phí điều trị thương tích cho anh Ph; bị cáo T ra đầu thú; bị cáo H phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự và được anh Ph làm đơn bãi nại cho bị cáo, tại

phiên toà anh Ph cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H. Nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về quyết định hình phạt:

Qua xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo. Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly đối với bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo H, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thương tích của anh Ph không phải do bị cáo trực tiếp gây lên, bị cáo đang là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo bị bệnh tim đang phải điều trị, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, quá trình được tại ngoại không vi phạm pháp luật; Hội đồng xét xử, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội; Áp dụng Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo bản thân, tiếp tục lao động, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú của bị cáo giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[7] Về vật chứng trong vụ án:

Đối với 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi sắt dài khoảng 01m của Đỗ Chí T; 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm của Phạm Minh H sử dụng đánh anh Bùi Kim Ph, T và H khai đã ném dao trên đường (không nhớ vị trí cụ thể), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, nên không có cơ sở xử lý vật chứng.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Bùi Kim Ph yêu cầu bồi thường chi phí điều trị và tổn thất tinh thần 39.589.000đ (*Ba mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*). Quá trình điều tra H, T đã bồi thường cho anh Ph số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Quá trình chuẩn bị xét xử, H tiếp tục bồi thường cho anh Ph số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), anh Ph đã làm đơn bãi nại cho H. Số tiền còn lại 6.589.000đ (Sáu triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng), tại phiên toà anh Ph yêu cầu bị cáo T phải tiếp tục bồi thường, hiện T chưa bồi thường. Căn cứ Điều 288, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo T phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho anh Ph số tiền 6.589.000đ (Sáu triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Về khoản tiền chênh lệch mà bị cáo H đã bồi thường cho anh Ph, tại phiên toà bị cáo H không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả, nên không đặt ra xem xét.

Đối với việc anh Vũ Xuân L yêu cầu bồi thường số tiền 61.618.000đ (*Sáu mươi một triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng*). Xét thấy, thương tích của anh L là

do Kh (đang bỏ trốn) gây ra, khi nào bắt được Kh và đưa ra xét xử, lúc đó anh L với tư cách là bị hại trong vụ án, anh L có quyền yêu cầu Kh phải bồi thường các chi phí điều trị và tổn thất tinh thần cho anh theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này, mặc dù thương tích của anh L không phải do H, T gây ra nhưng H và T đã tự nguyện hỗ trợ một phần thiệt hại cho anh L với số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), số tiền này anh L đã nhận, nên ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

[9] Đối với anh Bùi Kim Ph và anh Vũ Xuân L, có hành đánh nhau với nhóm của Khánh, H, T nhưng chưa gây thương tích cho ai, nên Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Ph, anh L là phù hợp.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đỗ Chí T và Phạm Minh H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đỗ Chí T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy phù hợp một phần với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Đỗ Chí T, Phạm Minh H** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Đỗ Chí T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Thời gian bị tạm giữ từ ngày 05/4/2021 đến ngày 14/4/2021, được trừ vào thời hạn tù nêu trên.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Xử phạt bị cáo **Phạm Minh H 02 (hai) năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Đỗ Chí T, có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thiệt hại cho anh Bùi Kim Ph số tiền 6.589.000đ (*Sáu triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đỗ Chí T và Phạm Minh H đã hỗ trợ chi phí điều trị cho anh Vũ Xuân L số tiền 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*), số tiền này anh L đã nhận.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Đỗ Chí T và Phạm Minh H, mỗi người phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Buộc bị cáo Đỗ Chí T phải nộp 329.000đ (*Ba trăm hai mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm;

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Phạm Minh H, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Đỗ Chí T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng